



MÔN : SINH.

NGÀY: 23 THÁNG 02 NĂM 2021

PHẦN BẢY. SINH THÁI HỌC

CHƯƠNG I. CÁ THỂ VÀ QUẦN THỂ SINH VẬT

BÀI 35. MÔI TRƯỜNG SỐNG VÀ CÁC NHÂN TỐ SINH THÁI

I. Môi trường sống và các nhân tố sinh thái :

1. **Môi trường:** Môi trường sống bao gồm tất cả các nhân tố **xung quanh** sinh vật, có tác động trực tiếp, gián tiếp hoặc tác động **qua lại** đến sự tồn tại, sinh trưởng, phát triển và những hoạt động khác của sinh vật.

- Có 4 loại môi trường sống chủ yếu :

+ Môi trường **trên cạn** : gồm mặt đất và lớp khí quyển

+ Môi trường **nước** : gồm nước mặn, nước lợ và nước ngọt

+ Môi trường **đất** : gồm các lớp đất có độ sâu khác nhau

+ Môi trường **sinh vật** : gồm các cơ thể thực vật, động vật, con người là môi trường sống của các sinh vật kí sinh và cộng sinh.

1. **Nhân tố sinh thái:** được chia thành 2 nhóm :

Nhân tố **vô sinh** (gồm lí học và hóa học)

Nhân tố **hữu sinh** (gồm chất hữu cơ và mối quan hệ giữa sinh vật với sinh vật), trong đó nhân tố **con người** có ảnh hưởng rất lớn

II. Giới hạn sinh thái và ổ sinh thái :

1/ Giới hạn sinh thái :

Là giới hạn chịu đựng của cơ thể đối với **một nhân tố sinh thái** nhất định . Nằm ngoài . **giới hạn sinh thái** , sinh vật không thể tồn tại được.

Trong giới hạn sinh thái có

+ khoảng **thuận lợi** (giúp sinh vật sống tốt nhất)

+ khoảng **chống chịu** (gây ức chế hoạt động sinh lí của sinh vật)

Ví dụ : Cá rô phi có giới hạn sinh thái về nhiệt độ từ 5,6⁰C đến 42⁰C , nhiệt độ thuận lợi từ 20⁰C - 35⁰C.

2/ Ổ sinh thái :

- Ổ sinh thái của một loài là một " **không gian sinh thái** " mà ở đó tất cả các nhân tố sinh thái của môi trường nằm trong **giới hạn sinh thái** cho phép loài đó tồn tại và phát triển lâu dài.

- Ổ sinh thái của một loài khác với nơi ở của chúng. Nơi ở chỉ **nơi cư trú** còn ổ sinh thái biểu hiện **cách sinh sống** của loài đó

- Ví dụ : chim ăn sâu và chim ăn hạt cây , mặc dù có cùng nơi ở nhưng thuộc 2 ổ sinh thái khác nhau (Hình 35.2. Mô tả ổ sinh thái về kích thước thức ăn của 2 loài chim A và B - trang 152)